

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HSST

Ngày: 01-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm.
2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Đào – Kiểm sát viên.

Từ ngày 30 tháng 11 đến ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TH, sinh năm 1989.

Nơi sinh: Ô Môn – Cần Thơ.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1969 (sống) và bà Trương Thị A, sinh năm 1970 (sống); Anh chị em ruột: Có 02 người em, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001; Chồng: Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1987; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/3/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Minh Tr**, là Luật sư - Công ty Luật Miền Tây, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

* Bị hại: Chị **Lê Diễm P**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Huỳnh Khánh V**, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông **Lê Công T**, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông **Trần Như Đình V2**, là Luật sư – Văn phòng luật sư Quốc Bảo, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

4/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1966. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực A, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

5/ Anh **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

6/ Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1955. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

7/ Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

8/ Bà **Trần Thụy Kim N**, sinh năm 1975. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số Y, đường B, quận K, thành phố Cần Thơ.

* Người tham gia tố tụng khác:

1/ Điều tra viên: Ông **Trịnh Phi H2** - thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2/ Đại diện Hội đồng định giá: Ông **Hồ Quốc Tr** - Chức vụ: Phó Phòng Tài chính kế hoạch quận Ô Môn – Chủ tịch Hội đồng định giá. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Phương Th là người làm thuê cho cơ sở bánh kẹo Liên Hưng do ông Lê Công T làm chủ. Công việc hàng ngày của Th là sáng sớm đến cơ sở bánh kẹo và vệ sinh nhà cửa cho ông T, xong thì đến xưởng sản xuất bánh để đóng gói bánh kẹo thành phẩm đến 17 giờ chiều cùng ngày thì về nhà.

Vào khoảng 08 giờ (không nhớ ngày cụ thể) trong tháng 11 năm 2019, Th đến lò bánh kẹo để làm công việc hàng ngày, Th vào phòng ngủ của chị Lê Diễm P (là con của ông T) để vệ sinh phòng. Trong lúc quét dọn Th phát hiện ở

phía dưới giường ngủ có 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng kim loại màu trắng có gắn kim cương. Do trong phòng lúc này không có ai nên Th nảy sinh ý định lấy trộm chiếc nhẫn bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Th lấy chiếc nhẫn để vào túi quần rồi đi xuống xưởng bánh làm việc bình thường, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Th về nhà cất giấu chiếc nhẫn vừa trộm được. Khoảng 03 ngày sau, Th đem chiếc nhẫn đến cửa hàng kinh doanh vàng K do ông Nguyễn Hoàng H làm chủ bán được số tiền 42.000.000 đồng, sau đó ông H bán chiếc nhẫn lại cho người đàn ông tên X (không rõ họ tên và địa chỉ) ở thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 62.000.000 đồng, hiện không thu hồi được chiếc nhẫn. Sau đó, chị P phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an quận Ô Môn trình báo.

Số tiền bán được chiếc nhẫn Th đem về trả nợ cho anh Nguyễn Hoàng H1 (em ruột của Th) số tiền 10.000.000 đồng, đóng tiền hui cho bà Trần Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân số tiền 9.000.000 đồng. Ngoài ra, Th còn thừa nhận trước đó khoảng 10 ngày, trong lúc vệ sinh phòng của chị P, Th có lấy trộm của chị P số tiền 600.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô Môn kết luận: Giá của 01 chiếc nhẫn kim cương có kích thước 6.64 - 6.68 x 4.15mm, trọng lượng 1.14 Carat, độ tinh khiết VVS1, cấp độ màu F (không thu hồi được tài sản) vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 21/11/2019) là 259.925.000 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó: Vỡ nhẫn 40.500.000 đồng x 80% = 32.400.000 đồng; kim cương rời 239.500.000 x 95% = 227.525.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ gồm: Số tiền 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*).

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKS-OM ngày 25 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Nguyễn Thị Phương Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vụ án đã được đưa ra xét xử công khai vào các ngày 30/7/2020 và 29/9/2020, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm làm rõ vấn đề định giá tài sản, trách nhiệm của ông Nguyễn Hoàng H và một số vấn đề khác liên quan. Tuy nhiên, qua 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn vẫn giữ nguyên quan điểm và nội dung truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương Th theo Cáo trạng số 50/CT-VKS-OM ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương Th theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định: Trả lại cho chị P số tiền 42.000.000 đồng là tiền của bị cáo nộp khắc phục hậu quả; tích thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính mà ông H giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Chị P đồng ý nhận số tiền bị cáo bồi thường là 192.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông H hỗ trợ cho các con của bị cáo là cháu Nguyễn Trung H2 và cháu Nguyễn Trung H3 (đại diện là anh Nguyễn Tuấn K) số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- Luật sư Trần Minh Tr trình bày lời bào chữa cho bị cáo Th: Bị cáo đã đồng ý với kết quả định giá tài sản, không có khiếu nại và cũng không yêu cầu định giá lại nên Luật sư không có ý kiến đối với vấn đề định giá tài sản. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo không có ý định lấy trộm tài sản của bị hại, chỉ vì trình độ học vấn thấp, thiếu hiểu biết nên đã thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo đã tích cực bồi thường cho bị hại số tiền 192.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và cũng có đơn xin bãi nại cho bị cáo; khi lấy chiếc nhẫn, bị cáo không nhận thức được đó là nhẫn kim cương nên không biết được giá trị của chiếc nhẫn quá lớn. Ngoài ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con của bị cáo còn nhỏ, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt của Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo thống nhất ý kiến với lời bào chữa của người bào chữa. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Chị Lê Diễm P trình bày: Chị đồng ý nhận số tiền bồi thường là 192.000.000 đồng (đã nhận 150.000.000 đồng và số tiền 42.000.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn đang tạm giữ). Ngoài ra, chị không yêu cầu bồi thường gì khác; đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Trần Như Đình V2 trình bày quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng H: Ông H không biết chiếc nhẫn bị cáo bán cho ông H là tài sản trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 42.000.000 đồng, sau đó bán lại cho người khác với giá 62.000.000 đồng. Ông H đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi từ việc bán chiếc nhẫn là 20.000.000 đồng; đồng thời ông H tự nguyện hỗ trợ các con của bị cáo số tiền 15.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Ông Nguyễn Hoàng H thống nhất ý kiến với trình bày của Luật sư Trần Như Đình V2. Ông H tự nguyện hỗ trợ cho các con của bị cáo (do anh K đại diện) số tiền 15.000.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến khác.

- Ông Lê Công T trình bày: Ông và vợ là bà Huỳnh Khánh V có tặng cho con là chị Lê Diễm P 01 chiếc nhẫn có gắn kim cương, chiếc nhẫn này đã bị mất trộm. Nay ông thống nhất với ý kiến của chị P, ngoài ra, ông không có ý kiến khác.

- Anh Nguyễn Tuấn K trình bày: Anh là chồng của bị cáo. Việc bị cáo lấy trộm tài sản của gia đình ông T, chị P và đem tài sản về nhà cất giấu, anh hoàn toàn không hay biết. Đến khi Công an mời làm việc thì anh mới biết sự việc. Nay anh không có ý kiến gì khác.

- Anh Nguyễn Hoàng H1 trình bày: Anh là em ruột của bị cáo. Vợ chồng bị cáo có nợ anh số tiền 51.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12/2019, bị cáo có trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng, anh không biết số tiền này có được từ việc bị cáo bán tài sản lấy trộm của gia đình ông T, chị P. Nay anh không có ý kiến gì khác.

- Ý kiến trình bày của Điều tra viên – ông Trịnh Phi H2: Quá trình điều tra đã tiến hành định giá tài sản đúng quy định pháp luật nên giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại đủ định lượng để khởi tố theo Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các thông số kỹ thuật của viên kim cương ghi trên giấy giám định có chênh lệch so với giấy bảo hành nhưng mức chênh lệch nằm trong phạm vi cho phép và không làm thay đổi giá trị của viên kim cương. Các tài liệu chứng cứ được thu thập và lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan đến vụ án đã đủ chứng minh giá trị của viên kim cương nên không cần thiết thu thập hồ sơ kê khai thuế của bà Trần Thụy Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Phương Th trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các đương sự khác. Từ đó có đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng tháng 11/2019, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 chiếc nhẫn đeo tay bằng kim loại màu trắng có gắn kim cương của chị Lê Diễm P ở phía dưới giường trong phòng ngủ tại nhà của chị P. Khoảng 03 ngày sau bị cáo đem bán chiếc nhẫn cho ông Nguyễn Hoàng H với số tiền 42.000.000 đồng, sau đó ông H bán chiếc nhẫn lại cho người đàn ông tên X (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 62.000.000 đồng. Hiện không thu hồi được tài sản bị mất trộm.

Căn cứ vào các biên bản nhận dạng của Nguyễn Thị Phương Th (*bút lục 133-134 và 145*), Biên bản nhận dạng của ông Nguyễn Hoàng H (*bút lục 135-136 và 141*) và Biên bản nhận dạng của bà Trần Thụy Kim N (*bút lục 268-269 và 273*) đều phù hợp với hình ảnh chiếc nhẫn chị P cho rằng bị mất trộm (*bút lục số 147 và 149*). Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Hoàng H ngày 13/8/2020 (*bút lục 284-285*), ông H cũng đã xác định: “*khi Thúy đem chiếc nhẫn đến bán thì tôi có dùng kính để xem và dùng thước đo thì chiếc nhẫn có gắn hột kim cương có kích thước hột kim cương là trên 6 (sáu) ly*”.

Từ đó có đủ cơ sở để xác định tài sản mà bị cáo đã lấy trộm của chị P và đem bán cho ông H chính là chiếc nhẫn có gắn hột kim cương có kích thước 6.64 - 6.68 x 4.15mm, trọng lượng 1.14 Carat, độ tinh khiết VVS1, cấp độ màu F được thể hiện tại Giấy giám định kim cương ngày 30/01/2013 và Phiếu bảo hành ngày 02/3/2014, giá trị tài sản tại thời điểm mua năm 2014 là 280.000.000 đồng.

Về việc định giá tài sản, theo quy định tại Điều 219 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm d Khoản 2 Điều 17 của Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì trường hợp tài sản bị thất lạc hoặc không còn thì việc định giá tài sản được thực hiện theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá.

Theo Thông báo tỷ lệ thu hồi ngày 18/8/2020 của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận – Chi nhánh PNJ Cần Thơ (*bút lục 264*), dòng hàng nữ trang kim cương thu lại 80%, kim cương rời từ 6.0 ly đến 8.6 ly thu lại 95%, vỏ nữ trang kim cương thu lại 80%.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 27/02/2020, giá của 01 chiếc nhẫn kim cương có kích thước 6.64 - 6.68 x 4.15mm, trọng lượng 1.14 Carat, độ tinh khiết VVS1, cấp độ màu F là 259.925.000 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó: Vỏ nhẫn 40.500.000 đồng x 80% = 32.400.000 đồng; kim cương rời 239.500.000 x 95% = 227.525.000 đồng.

Căn cứ vào những quy định nêu trên cho thấy Kết luận định giá tài sản là phù hợp quy định pháp luật; đồng thời, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất ý kiến với kết luận định giá tài sản về việc xác định giá trị của chiếc nhẫn có gắn hột kim cương mà bị cáo lấy trộm của chị P là 259.925.000 đồng, ngoài ra bị cáo không khiếu nại và cũng không có yêu cầu định giá lại. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị tài sản đã được định giá là 259.925.000 đồng để làm định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Phương Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời còn gây mất an ninh trật tự, an toàn công cộng tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tham lam, muốn hưởng lợi nhanh chóng nên đã bị cáo đã thực hiện hành phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức án thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã tích cực bồi thường cho bị hại số tiền 192.000.000 đồng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con nhỏ, phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của Luật sư Trần Minh Tr về việc đề nghị xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt của Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như hoàn cảnh gia đình của bị cáo, đồng thời bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại chị Lê Diễm P đồng ý nhận số tiền bị cáo bồi thường là 192.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết vấn đề bồi thường.

Ngoài ra, ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện hỗ trợ khó khăn cho các con của bị cáo là cháu Nguyễn Trung H2 và cháu Nguyễn Trung H3 (đại diện là anh Nguyễn Tuấn K) số tiền 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Hoàng H có mua chiếc nhẫn vàng trắng có gắn kim cương do bị cáo bán, ông H không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên chưa đủ cơ sở xử lý.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng đã mua chiếc nhẫn có gắn kim cương do ông H bán để thu hồi tài sản, trường hợp có đủ căn cứ thì xử lý theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn Thị Phương Th 06 (Sáu) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 30/3/2020.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại chị Lê Diễm P không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện hỗ trợ cho cháu Nguyễn Trung H2 và cháu Nguyễn Trung H3 (đại diện là anh Nguyễn Tuấn K) số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị Lê Diễm P số tiền 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*)

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý)

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th được miễn nộp án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Công an quận Ô Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế